UBND HUYỆN GIA LỘC **TRƯỜNG MẦM NON LÊ LỢI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 25/QĐ-MNLL	*Lê Lợi, ngày 05 tháng 04 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023 của trường Mầm non Lê Lợi

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3088/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND huyện về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2023;

Theo đề nghị của bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2023 của trường Mầm non Lê Lợi *(theo biểu đính kèm)*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Cán bộ- Giáo viên- Nhân viên trường Mầm non Lê Lợi và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: - Phòng TC-KH huyện (Báo cáo); - Như điều 3; - Lưu :VT.	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** **Nguyễn Thị Loan**

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường Mầm non Lê Lợi
Chương: 622

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2023

(Kèm theo Quyết định số 25/QĐ-MNLL ngày 05/04/2024 của trường MN Lê Lợi)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5 = 4-3
A	**Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**			
I	**Số thu phí, lệ phí**	**490.755.000**	**490.755.000**	**0**
1	**Lệ phí**			
2	**Phí**			
	Học phí	490.755.000	490.755.000	0
II	**Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại**	**409.660.900**	**409.660.900**	0
1	**Chi sự nghiệp**	**409.660.900**	**409.660.900**	0
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	409.660.900	409.660.900	0
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
2	**Chi quản lý hành chính**			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	**490.755.000**	**490.755.000**	**0**
1	**Lệ phí**			
2	**Phí**	**490.755.000**	**490.755.000**	**0**
	Học phí	490.755.000	490.755.000	0
B	**Quyết toán chi ngân sách nhà nước**	**4.943.996.000**	**4.943.996.000**	**0**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**4.943.996.000**	**4.943.996.000**	**0**
1	**Chi quản lý hành chính**			
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**			
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở			
22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
23	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	**4.943.996.000**	**4.943.996.000**	0
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.870.276.000	4.870.276.000	0
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	73.720.000	73.720.000	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**			
41	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
42	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			